

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/01/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P2+BK9+BK5	7:25	20+0+0	0+0+0		16+0+6	0+0+0	CHUYEN 6 BK9-BK5
2		BK15+BK10+P11	7:25	7+7+8	0+0+0		6+6+10	0+0+0	
3		TD3+HSD	7:25	22+0	0+0		17+5	0+0	
4		TD2+RC6+RC4	7:25	22+0+0	0+0+0		17+4+1	0+0+0	
5		P5+BK8+TD5	9:25	0+3+15	0+0+0		0+0+20	0+0+0	CHUYEN 1 P5-BK8
6		P10+TT1+P6	9:25	14+0+2	0+0+0		13+5+4	0+0+0	CHUYEN 1-TT1-P6
7		P6+BK19+P9	9:25	0+4+14	0+0+0		6+1+15	0+0+0	CHUYEN 1 P6-BK19
8		RP1+P10	9:25	2+14	0+0		0+22	0+0	
9		BK4+BK3+P9	11:25	9+5+0	0+0+0		10+3+9	0+0+0	CHUYEN 2 BK4-BK3
10		TD3+P8+BK14	11:25	15+0+6	0+0+0		11+5+6	0+0+0	
11		TT2+BK15-P2	11:25	3+8+3	0+0+0		0+19+3	0+0+0	
12		TD3+P9	11:25	14	0		22	0	
13		P4+P9	13:25	12+0	0+0		10+11	0+0	
14		VSP02+TD2+TD1	13:25	22+0+0	0+0+0		7+12+3	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY P2-8 NG, BK15-3NG, P9-2NG

Handwritten signature and note:
Handwritten signature: *[Signature]*
Handwritten note: *Handwritten note*



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 01	TO: P2 - BK9 - BK5	CREW: Lhài - ĐỨC - TDUNG - THỤ	ETA: 09:40
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BOVT A. V.	P2					95	D-HANH	Russian
2	NGUYỄN THẮNG	P2	94	1	3		69	D-HANH	Vietnamese
3	KRAPIVKA V.S	P2	03	1	2		92	KH-THAC	Russian
4	POPOV.A	P2	04	1	4		74	KH-THAC	Russian
5	BAMBUROV	P2	07	1	3		100	KH-THAC	Russian
6	BORODIN E. S.	P2	06	1	2		115	XAYLAP	Russian
7	CHEKUROV R. A.	P2	05	1	3		85	XAYLAP	Russian
8	NGUYỄN CÔNG TRÌNH	P2					77	NIPI	Vietnamese
9	TRẦN HỮU KHANH	P2	09	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ CÔNG ANH	P2	99,56	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
11	BIỆN ĐĂNG SÂM	P2	95	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO VĂN NGHỊ	P2	58	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG ĐÌNH QUÊ	P2	96-97	2	6		86	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ HỮU LINH	P2	98	1	8		88	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG THANH TRUNG	P2	57	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	10	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG QUỐC VIỆN	P2	01	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM THIÊN NAM	P2	08	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
19	THAI HOANG TÂM	P2	02	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM HIẾN TRƯỞNG	P2					70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	20	19	96	1.579	0	16		CHUYEN 6 KHACH TU BK9 SANG BK5
2	BK9	0	0	0	0	0	0		
3	BK5	0	0	0	0	20	6		
TOTAL		20	19	96	1.579	20	22		
WEIGHT KG				96	1.579	20			

GRAND TOAL: 1.695 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2023	TO: BK15 - BK10 - P11	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Dương - Linh - N Nam	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU TIEN THANH	BK15	27	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
2	LUONG XUAN THAI	BK15	33-34	2	15		74	KH-THAC	Vietnamese
3	PHUNG HA TAI	BK15	78-80	3	15		100	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN CANH TAN	BK15					75	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐANG THE ANH	BK15	81	1	3		70	NIPI	Vietnamese
6	TRAN VAN LINH	BK15					80	NIPI	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TRUNG	BK15	28	1	5		78	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN MANH	BK10	79	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
9	VU VAN CUONG	BK10	82-83	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN CONG HOAN	BK10	88	1	5	30	68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN KHAI	BK10	77-78	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGHIEM XUAN ANH	BK10	87	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐO TUAN VIET	BK10	80-81	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
14	MAI CAO DINH	BK10	86	1	7		67	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN MANH HUNG	P11	30	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN CUONG	P11	25-26	2	18	40	78	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐAO THIEN THUAT	P11	29	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN KIM SON	P11	28	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DUC ANH	P11	22	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
20	VU NGOC HUNG	P11	23	1	7		60	PSV	Vietnamese
21	VU XUAN TOAN	P11	21	1	5		75	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN VAN HOAI	P11	24	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	7	8	48	547	0	6		
2	BK10	7	10	71	480	30	6		
3	P11	8	9	60	563	40	10		
TOTAL		22	27	179	1.590	70	22		
WEIGHT KG				179	1.590	70			

GRAND TOAL: 1.839 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: TD3 - HSD	CREW: VThắng - NPhú - MQUÂN -	ETA: 09:25
CAM-1		Thành	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI HUU VUNG	TD3	53	1	8		90	KHOAN	Vietnamese
2	CHU VAN THANG	TD3	60	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
3	NGO VAN KIEM	TD3	12	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
4	DO THANH HAI	TD3	10	1	5		95	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM TRUONG ANH	TD3	11	1	8		92	KHOAN	Vietnamese
6	LUU VAN SON	TD3	63	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	08-09	2	17		90	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN HAI NAM	TD3					69	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN PHI HUNG	TD3	14	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN MINH TRUNG	TD3	04-05	2	9		72	D-HANH	Vietnamese
11	NGUYEN MINH TUAN	TD3	06	1	17		50	D-HANH	Vietnamese
12	LAI CAO THANH	TD3	02-03	2	21		65	KHOAN	Vietnamese
13	LE MANH HUNG	TD3	13	1	8		75	ANTOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN QUOC	TD3	54-55	2	15		75	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN VIET DUNG	TD3	07	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TIEN	TD3	59	1	9		69	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN NAM ĐAI	TD3	57-58	2	12		60	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN THAI THANH	TD3	61-62	2	17		68	XAYLAP	Vietnamese
19	LE VAN Y	TD3	56	1	12		69	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN THANH TUYEN	TD3	51-52	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI KHAC THUY	TD3	49-50	2	21		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	21	28	230	1.519	0	18		
2	HSD	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		21	28	230	1.519	0	22		
WEIGHT KG				230	1.519	0			

GRAND TOAL: 1.749 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2023	TO: TD2 - RC6 - RC4	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: MTHAO - TTrung -	ETA: 09:30
TRANG-1		QTrưởng	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TUÂN NGHĨA	TD2	88	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	87	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN TÀI	TD2	39	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN VĂN MINH	TD2	44	1	12		61	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ MINH ĐỨC	TD2	92	1	6		88	KHOAN	Vietnamese
6	DANG LÊ QUANG DUY	TD2	93-94	2	20		58	D-HANH	Vietnamese
7	BUI KIẾN ĐỨC	TD2	95	1	5		91	D-HANH	Vietnamese
8	ĐÌNH DUY HAI	TD2	37	1	14		75	KHOAN	Vietnamese
9	HA VAN LINH	TD2	38	1	12		92	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ VĂN NAM	TD2					78	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ THẬP TOÀN	TD2					65	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN TUÂN ANH	TD2	89	1	7		87	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	TD2	96	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
14	ĐÌNH VĂN HUÂN	TD2	90	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN DUÂN	TD2	85	1	6		61	KHOAN	Vietnamese
16	CU THANH NHAN	TD2	91	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH HOÀN	TD2	86	1	3		63	KHOAN	Vietnamese
18	NOROV DENIS	TD2	84	1	12		85	KHOAN	Russian
19	BUI BẠCH DƯƠNG	TD2	99	1	13		71	DVL	Vietnamese
20	DƯƠNG MINH VIỆT	TD2	36	1	8		65	DVL	Vietnamese
21	PIYACHET CHAISORN	TD2	97-98	2	22	80	84	SCHLUMBE	Thailand
22	YOS VAISAL	TD2				27	79	SCHLUMBE	Indonesian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	21	164	1.598	107	17		
2	RC6	0	0	0	0	20	4		
3	RC4	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	21	164	1.598	127	22		
WEIGHT KG				164	1.598	127			

GRAND TOAL: 1.889 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2023	TO: P5 - BK8 - TD5	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:05
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHẢI - TDUNG	ETA: 11:55
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN KHẮC HOÀNG	BK8	13-14	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
2	VÕ QUỐC THANH	BK8	15-16	2	16		78	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG VAN THANG	BK8	17-18	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
4	CHUSH MAKSIM	TD5	59	1	6		99	KHOAN	Russian
5	NGUYỄN XUÂN THÈ	TD5	61	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN VĂN THIỀU	TD5	457	1	11		84	KHOAN	Vietnamese
7	VI HÙNG CƯỜNG	TD5	60	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
8	MAI TRƯỜNG TRUNG	TD5	459	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ XUÂN DƯƠNG	TD5	56	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
10	ĐẠO THANH SƠN	TD5	57	1	5		53	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH HIỀU	TD5	458	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRƯỜNG THIỀN	TD5	62	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN LÂM GIANG	TD5	54-55	2	12		77	KHOAN	Vietnamese
14	ĐÌNH VĂN THẮNG	TD5	456	1	5		73	PSV	Vietnamese
15	ĐÌNH VĂN HOÀI	TD5	460-461	2	11		62	PSV	Vietnamese
16	VŨ ĐỨC TUẦN	TD5	462	1	15		70	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN LƯƠNG SƠN	TD5	58	1	4		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 1 PAX P5-BK8
2	BK8	3	6	51	203	0	0	0	
3	TD5	14	16	100	1.032	0	20	0	
TOTAL		17	22	151	1.235	0	20	0	
WEIGHT KG				151	1.235	0			

GRAND TOAL: 1.386 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	TO: P10 - TTC1 - P6	CREW: Dương - Linh - NNam	ETA: 11:40
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH XUÂN TRƯỜNG	P10	51	1	10		70	D-HANH	Vietnamese
2	BADIKOV M.F.	P10	41	1	3		75	KH-THAC	Russian
3	TRẦN VĂN THẮNG	P10	42	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	45-46	2	18		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN THẢO	P10					65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P10	44	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P10	54-55	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ ĐĂNG HOÀNG	P10	48	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG SỸ NGUYỄN	P10	52	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	TRỊNH XUÂN QUÂN	P10	47	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ THANH LIÊM	P10	56	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN KHANH TOÀN	P10	43	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VŨ KIẾN	P10	49	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	50	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẠO HỮU TẠO	P6	58	1	4	10	63	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU NHÂN	P6	59	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	14	15	96	1.010	0	13		CHUYEN 1 PAX TTC1-P6
2	TTC1	0	0	0	0	20	5 + 1		
3	P6	2	2	9	133	10	4		
TOTAL		16	17	105	1.143	30	22		
WEIGHT KG				105	1.143	30			

GRAND TOAL: 1.278 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 07	TO: P6 - BK19 - P9	CREW: VThắng - NPhú - MQUÂN -	ETA: 11:45
VANG - 2		Thành	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ALI TUTKUR	BK19	68-69	2	17		77	XAYLAP	Turkish
2	VOLKAN ALDEMIR	BK19	70	1	17	90	103	XAYLAP	Turkish
3	TRẦN HỮU NGHỊ	BK19	32-33	2	20		55	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN KHOA	BK19	28-29	2	18	40	65	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG TÂM	P9	03	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN LINH	P9	04	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ VĂN MẠNH	P9				30	77	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ TUẤN ANH	P9	10	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
9	LUÔNG VĂN PHỐ	P9	02	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN BA KÝ	P9					77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN TÙNG	P9	09	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HOANG CẨM	P9	08	1	15		74	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ LĂNG TÚ	P9	05	1	13		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH TÙNG	P9	12	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HUY	P9	06	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	0	0	0	0	0	6 + 2		CHUYEN 1 PAX P6-BK19
2	BK19	4	7	72	300	130	1		
3	P9	11	9	72	772	30	15		
TOTAL		15	16	144	1.072	160	22		
WEIGHT KG				144	1.072	160			

GRAND TOAL: 1.376 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 10:00
FLIGHT: 08	TO: RP1 - P10	CREW: MTHAO - TTrung - QTrương	ETA: 11:50
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH THANH LAM	RP1	41	1	5	20	75	D-HANH	Vietnamese
2	TRUONG SY GIANG	RP1	42-43	2	10		70	NIPI	Vietnamese
3	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10					85	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ TRƯỞNG THỊNH	P10	58	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HUÂN	P10	71	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ NGỌC ANH	P10	67	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN BẢO TOÀN	P10	61	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ PHƯƠNG HƯƠNG	P10	59-60	2	17		66	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH CÔNG VĂN	P10	66	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NAM	P10	62-63	2	10		95	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN ĐỨC	P10	64	1	10		84	XAYLAP	Vietnamese
12	DƯƠNG VĂN QUÂN	P10	65	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VĂN PHÚ	P10	68	1	10		81	YTE	Vietnamese
14	PHẠM VĂN TÀI	P10	69-70	2	8		70	PSV	Vietnamese
15	ĐOÀN THANH TRƯỞNG	P10	57	1	4		50	PSV	Vietnamese
16	TÔ CÔNG TANH	P10	72	1	6		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	2	3	15	145	20	0		
2	P10	14	16	103	1.033	0	22		
TOTAL		16	19	118	1.178	20	22		
WEIGHT KG				118	1.178	20			

GRAND TOAL: 1.316 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 12:10
FLIGHT: 09	TO: BK4 - BK3 - P9	CREW: CÔNG - NKhánh	ETA: 14:15
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU DUY KHANH	BK4	09	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
2	TONG TRUNG HUY	BK4	14	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HOANG DAN	BK4	13	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
4	DO NGOC TAM	BK4	05	1	10		87	XAYLAP	Vietnamese
5	HUYNH PHUONG HUNG	BK4	07-08	2	19		69	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM VAN KHUYNH	BK4	10-11	2	15	15	70	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN QUOC TOAN	BK4	04	1	7	35	67	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN VAN NAM	BK4	03	1	17		70	XAYLAP	Vietnamese
9	HO VAN DUC	BK4	06	1	6		67	PSV	Vietnamese
10	THAI HAI HA	BK3	83-84	2	8	50	67	KH-THAC	Vietnamese
11	LE CONG VINH	BK3	85	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI TRAN VIET	BK3	31	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN VIET BINH	BK3	82	1	5		57	PSV	Vietnamese
14	TRAN QUANG PHU	BK3	30,86	2	9		62	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	9	11	95	635	50	10	2	CHUYEN 2 PAX BK4-BK3
2	BK3	5	7	33	321	50	3		
3	P9	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		14	18	128	956	100	19		
WEIGHT KG				128	956	100			

GRAND TOAL: 1.184 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Fuel = 1500 KG (Hộp)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2023	TO: TD3 - P9 - BK14	AIRCRAFT: 619	ETD: 13:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hoài - VLinH	ETA: 15:15
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU LE HUNG	TD3	68-69	2	18	5	50	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN THANH TAN	TD3	75-76	2	14	15	71	XAYLAP	Vietnamese
3	TRAN DINH HANH	TD3	71-72	2	16		80	XAYLAP	Vietnamese
4	TRUONG VAN TRE	TD3	65-66	2	23		62	XAYLAP	Vietnamese
5	LE VIET QUANG	TD3	15-16	2	22		71	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM VAN DONG	TD3	17-18	2	19		54	XAYLAP	Vietnamese
7	LUONG XUAN DUOC	TD3	78	1	7		72	PSV	Vietnamese
8	QUACH DACTHAN	TD3	70	1	5		50	PSV	Vietnamese
9	LE THANH CHAU	TD3	79	1	8		71	PSV	Vietnamese
10	VO VAN TUAN TU	TD3	63	1	4		70	PSV	Vietnamese
11	PHAM VAN DUAN	TD3	77	1	4		77	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN HANH	TD3	67	1	7		70	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN KHANH CHAN	TD3					60	PSV	Vietnamese
14	LE XUAN TRUNG	BK14	21	1	22		56	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN DUC THANG	BK14	24	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
16	DINH QUANG DUNG	BK14	25-26	2	22		65	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN HUU QUANG	BK14	27-28	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
18	TRAN VAN KHANH	BK14	93,20	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
19	HO XUAN HOAN	BK14	22-23	2	25		62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	13	18	147	858	20	4		
2	P9	0	0	0	0	0	9		
3	BK14	6	10	119	386	0	6		
TOTAL		19	28	266	1.244	20	19		
WEIGHT KG				266	1.244	20			

GRAND TOAL: 1.530 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2023	TO: TTC2 - BK15 - P2	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Hạnh - ĐNam - HIẾU - Tú	ETA: 14:05
Cam 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ TRẦN TRUNG	TTC2	09	1	10		74	CODIEN	Vietnamese
2	LÊ HUY BÁC	TTC2	13-14	2	17		66	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG TRUNG	TTC2	10-12	3	20		83	CODIEN	Vietnamese
4	PHAN QUANG HOANG	BK15	29	1	10	40	65	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VĂN TRI	BK15	09	1	7		67	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ TÁT THÀNH	BK15	10	1	13		73	XAYLAP	Vietnamese
7	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	91-92	2	12		61	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐÌNH ĐẠI	P2	87	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC DỤC	P2	90	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG MINH QUÂN	P2	93	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG CÔNG PHỤNG	P2	85	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC KHANG	P2	86	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ TRỌNG HÙNG	P2	88-89	2	20		76	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN TRUNG THANH	P2	500	1	5		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	3	6	47	223	0	0		
2	BK15	3	3	30	205	40	3		
3	P2	8	10	78	586	0	19		
TOTAL		14	19	155	1.014	40	22		
WEIGHT KG				155	1.014	40			

GRAND TOAL: 1.209 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:25
FLIGHT: 12	TO: TD3 - P9	CREW: Phương - XTrưởng	ETA: 15:10
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DO VAN HA	TD3	73	1	15		74	X Láp	Vietnamese
2	TRAN VAN NGU	TD3	64	1	13		60	X Láp	Vietnamese
3	VU NAM GIANG	P9	27	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
4	TRINH HUY KHIEM	P9					74	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN XUAN HUONG	P9	29	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
6	VO TUAN MANH	P9	30	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN NGOC DO	P9	21	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TUAN ANH	P9	23	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HOAI THANH	P9	32	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DUC THANH	P9	31	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG DUC HAI	P9	24	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI CONG THANG	P9	18-19	2	18		65	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN NGUYEN BAO MINH	P9	22	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
14	PHUNG VAN PHUONG	P9	20	1	8		58	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN MANH TUAN	P9	17	1	8		75	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG MINH TAN	P9	28	1	12		77	YTE	Vietnamese
17	NGUYEN MINH HIEN	P9	16	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
18	TRINH THE NHAN	P9	25	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM TIEN PHUONG	P9	26	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	2	2	28	134	0	0		
2	P9	17	17	121	1.185	0	19		
TOTAL		19	19	149	1.319	0	19		
WEIGHT KG				149	1.319	0			

GRAND TOAL: 1.468 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Fuel: 1630 kg. (Hiệp)